

QUỐC HỘI

Luật số:

DỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LUẬT VỀ HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định về hội.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Luật này quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về hội.
- Luật này không áp dụng với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam; tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng.

Điều 2. Hội

1. Hội là tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam có tôn chỉ, mục đích phù hợp quy định của pháp luật, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, đoàn kết, giúp đỡ nhau, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; góp phần phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Hội bao gồm hội có tư cách pháp nhân, hội không có tư cách pháp nhân:

- Hội có tư cách pháp nhân là hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;
- Hội không có tư cách pháp nhân là hội chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Bảo đảm quyền lập hội

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm công dân, tổ chức Việt Nam có quyền lập hội, gia nhập hội, ra khỏi hội theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước

1. Tạo điều kiện cho hội hoạt động và phát triển theo quy định của pháp luật.

2. Ban hành cơ chế, chính sách để hội tham gia xã hội hóa các hoạt động cung cấp dịch vụ, tư vấn; thực hiện chương trình, dự án, đề tài và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhà nước cấp, khoán, hỗ trợ kinh phí hoạt động gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).

4. Nhà nước có chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, phân công sang làm việc tại hội.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Áp dụng pháp luật về hội

1. Trường hợp tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về hội quy định tại luật khác mà có quy định khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ hội.

2. Tự nguyện, tự quản.

3. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

4. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

5. Không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 7. Tên, trụ sở, phạm vi hoạt động, địa vị pháp lý của hội

1. Tên của hội được viết bằng tiếng Việt, có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài; phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của hội; không trùng lặp, gây nhầm lẫn với tên của hội khác đã được thành lập hợp pháp trong cùng phạm vi hoạt động; không gắn liền với tên danh nhân, tên của cá nhân, tổ chức; không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hoá dân tộc.

2. Trụ sở của hội đặt tại Việt Nam theo phạm vi hoạt động của hội.

3. Phạm vi hoạt động của hội (theo lãnh thổ) gồm:

a) Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh;

b) Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh);

c) Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện);

d) Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã).

4. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở, ép buộc, can thiệp vào việc thành lập, tổ chức, hoạt động hội trái quy định của pháp luật.

2. Thành lập, hoạt động trái pháp luật, trái quy tắc đạo đức xã hội, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cộng đồng, tổ chức, cá nhân; gây phương hại đến lợi ích, chủ quyền, an ninh quốc gia, an toàn xã hội, khối đại đoàn kết dân tộc, quyền con người, quyền công dân.

CHƯƠNG II THÀNH LẬP HỘI

Điều 9. Điều kiện thành lập hội

1. Tên theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật này.
2. Tôn chỉ, mục đích hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật này.
3. Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động.
4. Có điều lệ.
5. Có trụ sở.
6. Có đủ số người đăng ký tham gia hội tối thiểu theo quy định của Chính phủ.

Điều 10. Ban vận động thành lập hội

1. Công dân, tổ chức Việt Nam có nhu cầu thành lập hội phải dự kiến danh sách những người tham gia ban vận động thành lập hội, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội.

2. Ban vận động thành lập hội có trách nhiệm:

- a) Vận động công dân, tổ chức đăng ký tham gia thành lập hội;
- b) Hoàn thiện hồ sơ đăng ký thành lập hội theo quy định tại Điều 11 Luật này gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này;
- c) Hết thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày có quyết định công nhận ban vận động thành lập hội, ban vận động không thực hiện quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hết hiệu lực.

3. Ban vận động thành lập hội tự giải thể sau khi tổ chức đại hội thành lập hội bầu ra ban lãnh đạo.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 11. Đăng ký thành lập hội

1. Hồ sơ đăng ký thành lập hội gồm:
 - a) Đơn đăng ký thành lập hội;
 - b) Dự thảo điều lệ;
 - c) Quyết định công nhận và danh sách thành viên ban vận động thành lập hội;
 - d) Danh sách và đơn đăng ký tham gia hội của công dân, tổ chức Việt Nam;
 - đ) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở của hội;
 - e) Văn bản đóng góp tài sản (nếu có) và tài liệu chứng minh.

2. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này phối hợp với các cơ quan có liên quan cấp giấy đăng ký thành lập hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 12. Nội dung chủ yếu của điều lệ hội

1. Tên, biểu tượng của hội.
2. Tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của hội.
3. Địa vị pháp lý, trụ sở của hội.
4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hội.
5. Quyền và nghĩa vụ của hội.
6. Tiêu chuẩn hội viên.
7. Quyền, nghĩa vụ của hội viên; thủ tục gia nhập hội, ra khỏi hội, thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên.
8. Cơ cấu, tổ chức, thể thức bầu và miễn nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của ban lãnh đạo, ban kiểm tra, nguyên tắc, hình thức biểu quyết.
9. Thể thức bầu, miễn nhiệm và nhiệm vụ, quyền hạn của các chức danh lãnh đạo hội. Tiêu chuẩn, độ tuổi, số nhiệm kỳ của chức danh người đứng đầu hội.
10. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể và thanh quyết toán tài sản, tài chính.
11. Tài sản, tài chính, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội.
12. Khen thưởng, kỷ luật.

13. Khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại trong nội bộ hội.
14. Sửa đổi, bổ sung điều lệ.
15. Hiệu lực thi hành.
16. Các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 13. Đại hội thành lập hội

1. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập hội ban vận động thành lập hội phải tổ chức đại hội thành lập hội; hết thời hạn này mà không tổ chức đại hội thành lập hội thì giấy đăng ký thành lập hội hết hiệu lực.

2. Nội dung chủ yếu của đại hội thành lập:

- a) Công bố việc thành lập hội;
- b) Thảo luận và thông qua điều lệ;
- c) Bầu ban lãnh đạo;
- d) Thông qua phương hướng hoạt động của hội;
- đ) Thông qua nghị quyết đại hội.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đại hội, ban lãnh đạo hội gửi báo cáo kết quả đại hội, đề nghị công nhận điều lệ và chức danh người đứng đầu hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này.

4. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo kết quả đại hội thành lập, đề nghị công nhận điều lệ và chức danh người đứng đầu hội, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này công nhận điều lệ và chức danh người đứng đầu hội; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Thẩm quyền cấp giấy đăng ký thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, công nhận điều lệ và chức danh người đứng đầu hội

1. Thẩm quyền cấp giấy đăng ký thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, công nhận chức danh người đứng đầu hội

a) Bộ trưởng Bộ Nội vụ cấp giấy đăng ký thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, công nhận chức danh người đứng đầu hội đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cấp giấy đăng ký thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, công nhận chức danh người đứng đầu hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh. Căn cứ tình hình thực

tế ở địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) cấp giấy đăng ký thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, công nhận chức danh người đứng đầu hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã.

2. Thẩm quyền phê duyệt điều lệ hội:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên hiệp Các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam;

b) Đối với các hội không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này thì cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội quy định tại Khoản 1 Điều này phê duyệt điều lệ hội.

CHƯƠNG III HỘI VIÊN

Điều 15. Hội viên của hội

1. Hội viên của hội gồm hội viên chính thức, có thể có hội viên liên kết, hội viên danh dự.

2. Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam tán thành điều lệ hội, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn hội viên theo quy định của Luật này và điều lệ hội, tự nguyện, có đơn xin gia nhập hội có thể trở thành hội viên chính thức của hội:

a) Đối với cá nhân: Là công dân Việt Nam, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị tòa án tuyên cấm tham gia hoạt động về hội hoặc hành nghề thuộc lĩnh vực hoạt động chính của hội;

b) Đối với tổ chức: Là tổ chức có tư cách pháp nhân của Việt Nam, không trong quá trình giải thể, chia, tách, hợp nhất, đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động hoặc bị cấm hoạt động theo quyết định của Tòa án;

c) Doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) đủ tiêu chuẩn hội viên chính thức theo quy định của điều lệ hội có thể trở thành hội viên chính thức của hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh và hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh. Doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài cử người đại diện là công dân Việt Nam tham gia hội. Hội được kết nạp doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài làm hội viên chính thức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 14 Luật này quyết định.

3. Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức Việt Nam, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên

chính thức của hội, tán thành điều lệ hội, tự nguyện gia nhập hội, có thể trở thành hội viên liên kết của hội.

4. Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, công lao đóng góp cho hội thì có thể được hội suy tôn làm hội viên danh dự của hội.

Điều 16. Quyền của hội viên

1. Được hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội, được tham gia các hoạt động do hội tổ chức theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của hội theo quy định của hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với hội và cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

4. Được dự đại hội (đối với đại hội đại biểu thì phải là hội viên đại biểu), ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo theo quy định của hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của hội và quy định của pháp luật.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Các quyền khác theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật.

10. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử ban lãnh đạo.

Điều 17. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước và tuân thủ điều lệ, quy định của hội.

2. Tham gia các hoạt động của hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của hội, không được nhân danh hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của hội.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Chấm dứt tư cách hội viên

1. Đối với hội viên cá nhân:

a) Tự nguyện có đơn đề nghị ra khỏi hội hoặc bị khai trừ theo quy định của điều lệ hội;

b) Bị tòa án tuyên bố là mất tích, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự; chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết; bị kết án phạt tù theo quy định của pháp luật.

2. Đối với hội viên tổ chức:

a) Tự nguyện có đơn đề nghị ra khỏi hội hoặc bị khai trừ theo quy định của điều lệ hội;

b) Bị giải thể, phá sản, hợp nhất, chia, tách; bị tòa án tuyên cấm hoạt động về hội hoặc hành nghề thuộc lĩnh vực hội hoạt động.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấm dứt tư cách hội viên, giải quyết quyền và nghĩa vụ đối với hội viên do điều lệ hội quy định.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 19. Cơ cấu tổ chức của hội

Cơ cấu tổ chức của hội gồm:

1. Đại hội;
2. Ban lãnh đạo;
3. Ban kiểm tra;
4. Đơn vị, tổ chức thuộc hội.

Điều 20. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu chỉ được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm kỳ đại hội do điều lệ hội quy định nhưng không quá 05 (năm) năm kể từ ngày kết thúc đại hội nhiệm kỳ trước.

4. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên ban lãnh đạo hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

5. Những nội dung quyết định tại đại hội gồm có:

- a) Thông qua báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội; báo cáo kiểm điểm của ban lãnh đạo, ban kiểm tra;
- b) Bầu ban lãnh đạo;
- c) Sửa đổi, bổ sung điều lệ hội (nếu có);
- d) Đổi tên hội (nếu có);
- đ) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hội (nếu có);
- e) Tài chính của hội;
- g) Các vấn đề khác theo quy định của điều lệ hội;
- h) Thông qua nghị quyết đại hội.

6. Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi tổ chức đại hội, ban lãnh đạo hội thông báo bằng văn bản về việc tổ chức đại hội cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này. Hội tổ chức đại hội sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này.

7. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đại hội, ban lãnh đạo hội gửi báo cáo kết quả đại hội, đề nghị đổi tên, công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có) và chức danh người đứng đầu hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này.

8. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo kết quả đại hội, đề nghị đổi tên, công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung và chức danh người đứng đầu hội, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này công nhận điều lệ và chức danh người đứng đầu hội; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

9. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục báo cáo tổ chức đại hội, báo cáo kết quả đại hội và việc đổi tên, phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung của hội.

Điều 21. Ban lãnh đạo và người đứng đầu hội

1. Ban lãnh đạo là cơ quan lãnh đạo của hội giữa hai nhiệm kỳ đại hội, do đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của hội.

2. Số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, nguyên tắc hoạt động của ban lãnh đạo do điều lệ hội quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban lãnh đạo:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, điều lệ hội, lãnh đạo hoạt động của hội giữa hai kỳ đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của hội; ban hành quy chế hoạt động; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ hội phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội;

đ) Bầu, miễn nhiệm thường trực ban lãnh đạo, các chức danh lãnh đạo của hội;

e) Nhiệm vụ và quyền hạn khác quy định tại điều lệ hội.

4. Người đứng đầu hội là người đại diện theo pháp luật của hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội. Người đứng đầu hội do ban lãnh đạo bầu trong số các ủy viên ban lãnh đạo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận và bãi nhiệm chức danh người đứng đầu hội.

5. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục công nhận và bãi nhiệm chức danh người đứng đầu hội.

Điều 22. Ban kiểm tra

1. Ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra, giám sát việc chấp hành điều lệ hội giữa hai nhiệm kỳ đại hội.

2. Thẩm quyền bầu, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, nguyên tắc hoạt động của ban kiểm tra do điều lệ hội quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều lệ hội, nghị quyết đại hội, nghị quyết, quyết định của ban lãnh đạo, các quy chế của hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội;

c) Nhiệm vụ và quyền hạn khác quy định tại điều lệ hội.

Điều 23. Đơn vị, tổ chức thuộc hội

1. Đơn vị thuộc hội:

a) Văn phòng, các ban chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ giúp việc cho ban lãnh đạo hội, được thành lập theo quy định của điều lệ hội;

b) Liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội thuộc hội do hội thành lập theo quy định của điều lệ hội, không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng;

c) Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh có thể có văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở của hội, phải xin phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt văn phòng đại diện và báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này.

2. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 24. Quyền hạn của hội

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của hội.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của hội.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội; hoà giải tranh chấp trong nội bộ hội.

6. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn theo quy định của pháp luật; tham gia cung cấp dịch vụ, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

8. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới hoạt động của hội và lĩnh vực hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

9. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.

10. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

11. Được vận động, nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

12. Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật.

13. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Nghĩa vụ của hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật và tổ chức, hoạt động theo điều lệ hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

2. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó.
3. Khi thay đổi chức vụ lãnh đạo hội, thay đổi trụ sở, hội phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động.
4. Báo cáo việc thành lập pháp nhân thuộc hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động.
5. Chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này và cơ quan quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động.
6. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ hội.
7. Lập và lưu giữ tại trụ sở hội danh sách hội viên, đơn vị thuộc hội, văn phòng đại diện và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc hội (nếu có), sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội, nghị quyết, biên bản đại hội, các cuộc họp ban lãnh đạo hội.
8. Kinh phí thu được theo quy định tại Khoản 10 và Khoản 11 Điều 24 Luật này phải dành cho hoạt động hội theo quy định của điều lệ hội, không được chia cho hội viên.
9. Việc sử dụng kinh phí của hội phải chấp hành quy định của pháp luật và điều lệ hội. Hàng năm, hội phải báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài.
10. Ban hành các quy định về hoạt động của ban lãnh đạo, ban kiểm tra; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; khen thưởng, xử lý kỷ luật; giải quyết khiếu nại trong nội bộ hội; quản lý và sử dụng con dấu của hội và các quy định khác của hội phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.
11. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của hội phù hợp với quy định của pháp luật.
12. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, TẠM ĐÌNH CHỈ, GIẢI THỂ HỘI

Điều 26. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội

1. Hội đang hoạt động (sau đây gọi là hội bị chia) có thể chia thành hai hoặc nhiều hội mới có cùng phạm vi hoạt động. Hội bị chia chấm dứt tồn tại và hoạt động. Các quyền và nghĩa vụ của hội bị chia được chuyển giao cho các hội mới.

2. Hội đang hoạt động (sau đây gọi là hội bị tách) có thể tách thành hội mới có cùng phạm vi hoạt động (sau đây gọi là hội được tách). Hội bị tách chuyển giao một phần quyền, nghĩa vụ và tài sản (nếu có) cho hội được tách.

3. Một hoặc nhiều hội đang hoạt động (sau đây gọi là hội bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một hội khác cùng lĩnh vực và phạm vi hoạt động (sau đây gọi là hội nhận sáp nhập). Các hội bị sáp nhập chấm dứt tồn tại và hoạt động. Các quyền, nghĩa vụ và tài sản của hội bị sáp nhập được chuyển giao cho hội nhận sáp nhập.

4. Hai hoặc nhiều hội đang hoạt động cùng lĩnh vực và phạm vi hoạt động (sau đây gọi là hội bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành hội mới (sau đây gọi là hội hợp nhất). Các hội bị hợp nhất chấm dứt tồn tại và hoạt động. Các quyền, nghĩa vụ và tài sản của hội bị hợp nhất được chuyển giao cho hội hợp nhất.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Tạm đình chỉ

1. Hội bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này tạm đình chỉ hoạt động từ 03 (ba) tháng đến 06 (tháng) khi vi phạm một trong các trường hợp:

a) 02 (hai) năm liên tiếp hội không báo cáo theo quy định Khoản 5 Điều 25 Luật này;

b) Không báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 23 và Khoản 3, Khoản 4 Điều 25 Luật này và cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có văn bản yêu cầu báo cáo trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày nhưng hội không thực hiện;

c) Quá thời hạn 06 (sáu) tháng theo nhiệm kỳ đại hội được quy định trong điều lệ hội mà hội không báo cáo tổ chức đại hội;

d) Hội tổ chức đại hội khi chưa có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này;

đ) Hết thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 14 Luật này yêu cầu hội giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhưng hội không giải quyết, để mâu thuẫn nội bộ kéo dài;

e) Không hoạt động liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng;

g) Vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý tài sản, tài chính;

h) Bầu các chức danh lãnh đạo hội không đúng quy định của pháp luật và điều lệ hội;

i) Hoạt động của hội vi phạm các nội dung khác theo quy định của pháp luật, điều lệ hội.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận hội vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động của hội.

3. Trường hợp hội bị tạm đình chỉ mà không đồng ý với quyết định tạm đình chỉ hoạt động của hội, thì hội có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

4. Việc tạm đình chỉ sử dụng con dấu của hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Trong thời hạn tạm đình chỉ nếu hội khắc phục được vi phạm, hội lập 01 (một) hồ sơ đề nghị được hoạt động trở lại gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này xem xét, quyết định; hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị được hoạt động trở lại của hội;

b) Báo cáo của ban lãnh đạo hội và các tài liệu chứng minh hội đã khắc phục vi phạm.

6. Trường hợp hội chưa khắc phục được vi phạm, hội phải có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này trước khi hết thời hạn tạm đình chỉ để đề nghị gia hạn thời hạn tạm đình chỉ. Thời gian gia hạn không quá 90 (chín mươi) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản gia hạn.

7. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 5 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này cho phép hội hoạt động trở lại, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 28. Giải thể hội

1. Hội có thể tự giải thể hoặc bị giải thể.

2. Đại hội thông qua việc tự giải thể hội trong các trường hợp sau đây:

a) Ban lãnh đạo hội đề nghị;

b) Trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ tự giải thể hội: Hội gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này và thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan theo

quy định của pháp luật trên 03 (ba) số báo liên tiếp ở Trung ương đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước và liên tỉnh; báo địa phương đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị giải thể hội;
- b) Nghị quyết của đại hội về việc giải thể hội;
- c) Bản kê tài sản, tài chính;
- d) Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ.

4. Hội bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoạt động liên tục 12 (mười hai) tháng;
- b) Trong thời gian bị tạm đình chỉ nhưng hội tiếp tục vi phạm;
- c) Hết thời hạn tạm đình chỉ mà hội không khắc phục được vi phạm và không có văn bản đề nghị gia hạn hoặc hết thời hạn gia hạn tạm đình chỉ mà hội không khắc phục được vi phạm;
- d) Quá thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ khi có nghị quyết của đại hội về việc tự giải thể mà ban lãnh đạo hội không chấp hành;
- đ) Quá thời hạn 09 (chín) tháng kể từ khi có yêu cầu của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị nhưng ban lãnh đạo hội không tiến hành thủ tục tự giải thể hội;
- e) Mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ hội không giải quyết dứt điểm và kéo dài quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 14 Luật này yêu cầu hội giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ hội;
- g) Hoạt động của hội vi phạm pháp luật, điều lệ hội nghiêm trọng.

5. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Trường hợp hội tự giải thể: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này quyết định giải thể hội sau 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của hội khi xin giải thể mà không có đơn khiếu nại.

b) Trường hợp hội bị giải thể: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận hội vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này có trách nhiệm giao hội thực hiện kiểm kê tài sản, tài chính; dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật và điều lệ hội; thông báo bằng văn bản về việc giải thể và thời hạn thanh toán nợ, thanh lý tài sản, tài chính của hội liên tiếp trên 03 (ba) số báo viết hoặc báo điện tử ở Trung ương đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh, báo viết hoặc báo

điện tử ở địa phương đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh. Sau 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo mà không có đơn, thư khiếu nại; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này ra quyết định giải thể hội.

c) Trường hợp hội bị giải thể mà không đồng ý với quyết định giải thể, thì hội có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, hội không được hoạt động.

6. Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định giải thể hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực.

7. Việc thu hồi con dấu của hội bị giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 29. Tài sản, tài chính

1. Tài sản của hội bao gồm:

a) Trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của hội;

b) Tài sản của hội được hình thành từ nguồn kinh phí của hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng, hỗ trợ theo quy định của pháp luật, nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).

2. Nguồn thu của hội:

a) Hội phí;

b) Kinh phí từ việc cung cấp dịch vụ, tư vấn, thực hiện chương trình, dự án, đề tài và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

c) Tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Khoản chi của hội:

a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của hội;

b) Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

c) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại hội;

d) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 30. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội

Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội phải công khai, minh bạch theo điều lệ hội và quy định của pháp luật:

1. Tài sản, tài chính của hội sử dụng thực hiện tôn chỉ, mục đích, quyền và nghĩa vụ của hội, không được chia cho hội viên.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính do Nhà nước cấp, khoán, hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ được giao được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định chi tiết thi hành Khoản này.

4. Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính đối với tài sản không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được thực hiện theo quy định của điều lệ hội.

CHƯƠNG VII QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI

Điều 31. Nội dung quản lý nhà nước về hội

1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hội.

2. Cấp đăng ký thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, công nhận điều lệ và chức danh người đứng đầu hội.

3. Hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý hội.

4. Tuyên truyền phổ biến pháp luật về hội.

5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội; kiểm tra việc thực hiện điều lệ hội đối với các hội.

6. Quản lý việc ký kết, thực hiện thoả thuận quốc tế, gia nhập các tổ chức quốc tế của hội, triển khai các hoạt động đối ngoại, tiếp nhận viện trợ của các cá nhân, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.

7. Quản lý tài sản, tài chính do Nhà nước cấp, khoán, hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ được giao và do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ theo quy định của pháp luật.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về hội.

9. Tổng hợp báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 32. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hội

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hội trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện và phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hội theo sự phân công của Chính phủ.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm ban hành cơ chế, chính sách để hội tham gia thực hiện chương trình,

dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cấp đăng ký thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, công nhận điều lệ và chức danh người đứng đầu hội đối với hội hoạt động trong phạm vi địa phương mình; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của mình.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp được ủy quyền có trách nhiệm cấp đăng ký thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, công nhận điều lệ và chức danh người đứng đầu hội đối với hội hoạt động trong phạm vi địa phương mình; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 33. Khen thưởng

Hội, hội viên, người làm việc tại hội có nhiều thành tích, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội thì được khen thưởng theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật.

Điều 34. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ do hội giải quyết theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật. Ban lãnh đạo hội quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ hội phù hợp điều lệ hội, quy định của pháp luật.

2. Hội báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Luật này.

Điều 35. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường, cá nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm những quy định của Luật này.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Luật này thay thế Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ban hành Luật quy định quyền lập hội.

3. Hội được thành lập hợp pháp trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục hoạt động và không phải làm thủ tục đăng ký thành lập lại.

Điều 37. Hướng dẫn thi hành

1. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

2. Luật này đã được Quốc hội khoá ..., kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm 2016.